

Bản án số: 16/2024/HN&GD-ST

Ngày: 28/6/2024

V/v: “Không công nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con giữa nam nữ
chung sống với nhau như vợ chồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỐ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh;

Ông Nguyễn Hồng Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thương Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phố Yên tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 110/2024/HN&GD-ST ngày 03/6/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21 /2024/QĐXX-ST, ngày 14/6/2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1981;

Bị đơn: Anh Lưu Đức L, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị Y, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Lưu Đức L chung sống với nhau từ năm 1999, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là thời điểm đó anh L chưa đủ tuổi để đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau này chung sống với nhau hoà thuận nên anh chị cũng không nghĩ đến việc phải đi đăng ký kết hôn nữa. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc mặc dù cũng có những mâu thuẫn nhỏ. Cho đến đầu năm 2023 thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn hơn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, là cà, chơi bời, không chịu làm ăn, về nhà chị có góp ý thì anh hành hung đánh đập chị. Lần gần đây nhất anh còn cầm dao dọa giết chị khiến chị vô cùng lo sợ. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh L, không thể tiếp

tục chung sống cùng anh L trong tình trạng như vậy được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh L. Tuy nhiên do anh chị không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh L có 02 con chung là cháu Lưu Thị H, sinh năm 2000 đã trưởng thành, lập gia đình riêng và cháu Lưu Thị T, sinh ngày 04/02/2009. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Lưu Đức L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Y tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn vì tại thời điểm đó anh chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Sau này vợ chồng chung sống hoà thuận nên cũng không đi đăng ký kết hôn nữa. Anh xác định vợ chồng anh chung sống hạnh phúc cho đến khoảng vài tháng gần đây mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, chị Y thường xuyên sử dụng điện thoại di động, đến giờ nấu cơm nhưng không quan tâm, không nấu ăn cho gia đình, nhiều lần như vậy dẫn đến vợ chồng lời qua tiếng lại cãi vã. Việc chị Y trình bày anh thường xuyên uống rượu về đánh đập chị ấy là hoàn toàn không đúng. Việc đàn ông thỉnh thoảng uống rượu thì có nhưng anh không đánh đập chị Y. Lần gần đây nhất khi vợ chồng xảy ra bất đồng, anh đang ngồi gọt hoa quả, vợ chồng xảy ra cãi cọ, anh có đe dọa chị Y vài câu đến giờ chị Y vẫn nhắc lại. Đến nay chị Y có yêu cầu xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh và chị Y không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị Y có 02 con chung là cháu Lưu Thị H, sinh năm 2000 và cháu Lưu Thị T, sinh ngày 04/02/2009. Khi ly hôn, nếu cháu T muốn sống cùng ai thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Trường hợp cháu muốn sống cùng anh thì anh cũng đồng ý và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị, kiến nghị: Không.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc Y và anh Lưu Đức L.

Về con chung: Giao cháu Lưu Thị T cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh L có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Lưu Đức L có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Thái Nguyên.

[1.2]. Về thủ tục hòa giải: Trong vụ này, các đương sự không đăng ký kết hôn là vụ án phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật, thuộc trường hợp những vụ án dân sự không được hoà giải. Tòa án đã tiến hành phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không mở phiên họp hòa giải là đúng quy định tại khoản 2 Điều 206 và khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2.] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Y và anh Lưu Đức L chung sống với nhau từ năm 1999, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đi đăng ký kết hôn với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trong suốt quá trình chung sống đến nay, anh L và chị Y vẫn không đi đăng ký kết hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/6/2024, của Tòa án với UBND phường T đã xác định: Theo sổ gốc đăng ký kết hôn và sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân từ năm 1999 đến nay được lưu trữ tại UBND phường T không có sự kiện

đăng ký kết hôn và cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn của anh Lưu Đức L và chị Nguyễn Ngọc Y.

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng ...”*

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”.*

Từ những căn cứ nêu trên và kết quả xác minh với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc đăng ký kết hôn có thể xác định việc chị Y, anh L chung sống không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật về việc đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị Y có đơn xin ly hôn với anh L, căn cứ theo các văn bản, điều luật đã viện dẫn tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Y và anh L.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị Y và anh L có 02 con chung là Lưu Thị H, sinh ngày 16/8/2000 và Lưu Thị T, sinh ngày 04/02/2009. Cháu H đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), đã lập gia đình riêng, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra việc giải quyết.

Chị Y đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Thị T; Anh L đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu T để quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại bản trình bày nguyện vọng, cháu T có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do vậy, cần giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con đối với cháu T nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối anh L cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật..

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Y, anh L đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị Y, anh L xác định không có.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Y có đơn khởi kiện ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc Y và anh Lưu Đức L.

2. Về con chung: Giao con chung Lưu Thị T, sinh ngày 04/02/2009 cho chị Nguyễn Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lưu Đức L cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0001664 ngày 03/6/2024 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự tại phiên tòa. Báo cho biết các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND phường Tiên Phong.
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Dung